

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Viện Kinh tế Nông nghiệp. *Báo cáo tổng quan các nghiên cứu về ngành rau quả của Việt Nam*. Hà Nội, tháng 4 năm 2005.
2. Trần Khắc Thi; *Rau ăn củ, rau gia vị*. NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ; 2008.
3. Viện Cây Lương thực và Cây thực phẩm. *Nghiên cứu chọn tạo một số loại rau chính*. Năm 1986-1990
4. Công ty TNHH Trang Nông, *Tuyển chọn và thử nghiệm các giống ớt cay*; 2002-2003.
5. Viện KHKTNN Duyên hải Nam Trung bộ “*Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu tuyển chọn giống và biện pháp canh tác một số loại rau chính (Cà tím, Ớt cay, dưa chuột, rau cải, Cà chua) thích hợp với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ*”, 2006-2008.
6. AVRDC (The World Vegetable Center). *Development of locally adapted, multiple disease-resistant and high yielding chili (Capsicum annuum) cultivars for China, India, Indonesia and Thailand - Phase II. Final report*, 1/2009.

**Người phản biện  
TS. Phạm Xuân Liêm**

**KẾT QUẢ CHỌN TẠO GIỐNG LẠC LDH.01**

Hồ Huy Cường, Hoàng Minh Tâm,  
Tạ Minh Sơn, Mạc Khánh Trang,  
Nguyễn Trung Bình, Nguyễn Ngọc Bình

**SUMMARY**

**Result of breeding new peanut variety LDH.01**

LDH.01, a new peanut selected by Agricultural Science Institute for Southern Coastal Central of Viet Nam from a natural mutation of Ly peanut, a local variety, has the shape belonging to be half-straight, light blue leaf, average peanut-waist, sinew of peanut pod being unclear, thin pod, average size, the rate of 3-seed peanut being 40%. The growth and development duration is from 86 to 96 days depending on seasonal and ecological condition. Average yield of LDH.01 in different experimental sites: in Western mountain is 36,1 quintal/ha, in alluvial soil and Coastal sandy soil (Southern Coastal Central) is 28,5 quintal/ha. Selecting a suitable variety that overcomes above obstacles and difficulties is not only making peanut varieties more abundant but also a target of independent production requirements.

**Keywords:** Peanut, experimental sites, ecological regions, Binh Dinh province, Western mountain.

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Diện tích gieo trồng lạc hàng năm ở Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB) và Tây Nguyên (TN) khoảng 54.100ha, chiếm 21,3% tổng diện tích gieo trồng lạc trong cả nước. Năng suất lạc bình quân năm của cả hai vùng chỉ mới đạt 15,5 tạ/ha, tương đương 78,3% so với năng suất bình quân

năm của cả nước. Trong các nguyên nhân hạn chế năng suất lạc ở Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên, thiếu bộ giống năng suất cao, chất lượng tốt thích nghi với điều kiện khí hậu và tập quán sản xuất của nông dân là nguyên nhân cơ bản.

Một số giống lạc mới thuộc dạng hình thâm canh như MD.7, LVT, L.14,... đã được tuyển chọn và chuyển giao cho sản

xuất. Tuy nhiên, tỷ lệ các giống mới trên còn ít so với tổng diện tích gieo trồng của cả 2 vùng do các giống mới trên thuộc kiểu hình vỏ quả dày, yêu cầu thâm canh và đảm bảo nước tưới mới phát huy được tiềm năng năng suất. Do vậy, việc chọn tạo giống lạc mới có tiềm năng năng suất cao và mỏng vỏ để làm phong phú thêm bộ giống của vùng và đáp ứng được yêu cầu trước mắt của sản xuất là rất cần thiết.

**II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**1. Vật liệu nghiên cứu**

Giống lạc LDH.01 được Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ chọn lọc từ thể đột biến tự nhiên của giống lạc Lý địa phương.

**2. Phương pháp nghiên cứu**

Chọn lọc dòng thuần theo theo phương pháp phá hệ.

Thí nghiệm đánh giá dòng triển vọng được bố trí theo phương pháp tuần tự không

lặp lại. Thí nghiệm so sánh giống và đánh giá tính thích nghi vùng sinh thái được bố trí theo khối đầy đủ ngẫu nhiên (RCBD) với 3 lần lặp lại.

Số liệu nghiên cứu được xử lý theo phương pháp thống kê toán học của Gomez thông qua chương trình IRRISTAT và EXCEL.

Theo dõi các chỉ tiêu về sinh trưởng, phát triển, năng suất, khả năng chống chịu với một số đối tượng sâu, bệnh hại được tiến hành theo tiêu chuẩn ngành 10TCN 340: 2006 đối với cây lạc.

Mật độ gieo trồng: 30cm x 10-12cm x 1 hạt/hốc (tương đương 30 cây/m<sup>2</sup>); Lượng phân đầu tư cho 1,0 ha: 5 tấn phân chuồng + 40 N + 60 P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> + 60 K<sub>2</sub>O + 500 kg vôi.

Chọn lọc, đánh giá dòng triển vọng, so sánh giống được tiến hành tại Viện KHKT Nông nghiệp DHNTB. Khảo nghiệm Quốc gia thực hiện tại các tỉnh vùng DHNTB và Tây Nguyên.

**III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**1. Đặc điểm hình thái và nông sinh học của giống lạc LDH.01**

*Bảng 1. Đặc điểm hình thái và nông sinh học của các giống lạc LDH.01*

Chi tiêu	Giống		Lý	
	LDH.01		Đông xuân	Hè thu
Dạng cây (thời kỳ ra hoa)	Nửa đứng		Nửa đứng	
Dạng vỏ quả	Hơi rần		Trơn	
Màu sắc lá	Xanh nhạt		Xanh nhạt	
Màu sắc lá trước khi chín	Chuyển vàng		Chuyển vàng	
Từ gieo đến bắt đầu ra hoa (ngày)	35	26	35	26
Thời gian sinh trưởng (ngày)	95	86	95	86
Chiều cao cây (cm)	45,1	42,3	46,5	46,4
Tổng số cành/cây (cành)	5,9	6,5	5,4	5,7
Số quả chắc/cây (quả)	16,7	14,0	17,6	12,5
Tỷ lệ quả 1 hạt/cây (%)	10,0		11,0	
Tỷ lệ quả 2 hạt/cây (%)	48,0		63,1	
Tỷ lệ quả 3 hạt/cây (%)	42,0		25,9	
Khối lượng 100 quả(gam)	142,2		116,2	
Khối lượng 100 hạt(gam)	56,8		47,2	
Tỷ lệ nhân/quả (%)	76,5		72,7	

Kết quả nghiên cứu đánh giá đặc điểm hình thái, nông sinh học, điểm tương đồng và khác biệt giữa giống LDH.01 so với giống Lỳ được trình bày ở bảng 1 cho thấy:

Cả 2 giống đều có những đặc điểm tương đồng về dạng cây nửa đứng, màu sắc lá trong thời kỳ sinh trưởng sinh dưỡng xanh nhạt và trước khi chín đều chuyển vàng (chạy lá chân), thời gian sinh trưởng khoảng 95 ngày trong vụ đông xuân và từ 85 - 86 ngày trong vụ hè thu;

Những đặc điểm có sự khác biệt rõ ràng giữa 2 giống là: Dạng vỏ quả của giống LDH.01 có dạng vỏ quả rần không rõ ràng, trong khi đó, giống lạc Lỳ lại có dạng vỏ quả nhẵn; chiều cao cây của giống LDH.01 chỉ đạt tương đương hoặc thấp hơn so với giống

giống Lỳ; giống LDH.01 có khả năng phân cành mạnh, trung bình đạt 6,2 cành/cây, trong khi đó giống Lỳ chỉ đạt tương ứng là 5,6 cành/cây. Tỷ lệ quả 2 và 3 hạt: Giống lạc Lỳ có tỷ lệ quả 2 - 3 hạt tương ứng là 63,1% và 25,9%, trong khi đó, tỷ lệ quả 2 hạt của giống LDH.01 đạt bình quân 48,0% nhưng quả 3 hạt lại chiếm 42,0%. Khối lượng 100 quả của giống LDH.01 đạt bình quân 142,2g cao hơn so với giống lạc Lỳ 22,4%. Khối lượng 100 hạt của giống LDH.01 đạt bình quân 56,8g cao hơn so với giống Lỳ 20,3%. Đặc biệt, tuy giống lạc LDH.01 cũng thuộc loại hình vỏ quả mỏng như giống lạc Lỳ, nhưng giống LDH.01 lại có tỷ lệ nhân/quả (bình quân 76,5%) đạt cao hơn so với giống lạc Lỳ (chỉ 72,7%).

## 2. Kết quả đánh giá sinh trưởng và năng suất của giống lạc LDH.01

Bảng 2. Tình hình sinh trưởng, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của giống lạc LDH.01 trong vụ đông xuân và hè thu tại An Nhơn - Bình Định

Giống	Thời gian sinh trưởng (ngày)		Số quả chắc/cây (quả)		Khối lượng 100 quả (gam)		Năng suất thực thu (tạ/ha) trong vụ đông xuân		Năng suất thực thu (tạ/ha) trong vụ hè thu	
	ĐX	HT	ĐX	HT	ĐX	HT	2003	2004	2003	2004
LDH.01	96	84	15,1	15,5	146,7	143,4	36,1b	38,3b	39,3b	37,6a
Lỳ (đ/c)	96	84	16,6	15,7	104,4	105,1	31,2c	32,0c	29,3d	28,9b
MD.7	97	91	14,1	15,0	149,4	141,5	39,2a	38,6b	42,7ab	36,9a
L.14	98	89	15,5	15,6	139,5	134,5	38,6ab	42,0ab	43,3a	39,0a
LVT	98	89	15,9	14,3	137,5	134,6	37,5ab	43,0a	33,3c	36,8a
CV%							5,1	6,3	6,5	8,7
LSD5%							2,9	3,8	3,9	5,6

(Số liệu trung bình của năm 2003 và 2004)

Trong vụ đông xuân 2003, năng suất của giống lạc LDH.01 đạt 36,1 tạ/ha, tương đương so với các giống LVT và L.14, thấp hơn 8,6% so với giống lạc MD.7. Tương tự, trong vụ đông xuân 2004, năng suất giống lạc LDH.01 (đạt 38,3 tạ/ha) thấp hơn 12,3% so với giống LVT, tương đương so với 2 giống MD.7 và L.14. Tuy nhiên, so với giống đối chứng lạc Lỳ (đạt năng suất từ

31,2 - 32,0 tạ/ha), năng suất giống lạc LDH.01 cao hơn 15,7% trong vụ đông xuân 2003 và 19,7% trong vụ đông xuân 2004 (bảng 2).

Trong điều kiện khí hậu vụ hè thu, năng suất giống LDH.01 cũng đạt cao hơn so với giống đối chứng lạc Lỳ là 34,1% trong năm 2003 và 30,1% trong năm 2004. So với các giống thuộc loại hình thâm canh

còn lại trong thí nghiệm, trong năm 2003, năng suất giống LDH.01 đạt 39,3 tạ/ha, tương đương với giống MD.7 và thấp hơn 10,2% so với giống L.14. Trong năm 2004, năng suất giống LDH.01 đạt 37,6 tạ/ha, tương đương so với các giống còn lại (biến động từ 36,9 - 39,0 tạ/ha) trong thí nghiệm (bảng 2).

*Bảng 3. Mức độ gây hại của một số bệnh chính hại lạc ở điều kiện đồng ruộng tại An Nhơn - Bình Định*

Giống /dòng	Bệnh đốm nâu (Cấp 1 - 9)		Bệnh gỉ sắt (Cấp 1 - 9)		Tỷ lệ cây bị bệnh héo xanh (%)	
	ĐX	HT	ĐX	HT	ĐX	HT
LDH.01	5	3	5	3	12,1	7,9
Lý (đ/c)	5	3	5	3	16,7	10,8
MD.7	3	3	3	3	4,6	3,1
L.14	3	3	3	3	7,6	4,3
LVT	3	3	5	5	7,6	4,5

(Số liệu trung bình của năm 2003 và 2004)

Kết quả đánh giá khả năng kháng với bệnh hại trong điều kiện đồng ruộng được trình bày ở bảng 3 cho thấy, giống lạc LDH.01 có mức độ kháng với bệnh đốm nâu, gỉ sắt và héo xanh tốt hơn so với giống lạc Lý, tuy nhiên, so với các giống LVT, MD.7 và L.14 thì giống lạc LDH.01 có khả năng kháng kém hơn, đặc biệt là đối với bệnh héo xanh. Như vậy, khả năng kháng kém với bệnh héo xanh là một hạn chế cần quan tâm khi mở rộng sản xuất và cần cải tiến trong thời gian tới của giống lạc LDH.01.

### 3. Kết quả khảo nghiệm sản xuất của giống lạc LDH.01

*Bảng 4. Năng suất giống lạc LDH.01 ở các tiểu vùng sinh thái thuộc Tây Nguyên*

Giống	Vụ 1/2004 (Đắk Nông)	Vụ 1/2005 (Kon Tum)	Vụ 2/2005 (Kon Tum)	Vụ 1/2006 (Kon Tum)	Vụ 2/2006 (Kon Tum)
LDH.01	26,9ab	40,3a	35,8a	41,7a	35,8a
L.14	30,6a	43,9a	32,5a	40,0a	33,1ab
MD.7	23,0b	30,3b	27,8b	31,9b	30,4b
Lý (đ/c)	17,5c	25,5c	22,2c	26,4c	23,3c
CV%	12,3	8,9	9,9	5,7	6,5

*Bảng 5. Năng suất giống lạc LDH.01 ở các tiểu vùng sinh thái thuộc DHNTB*

Giống	Vụ ĐX 2007 (Quảng Nam)	Vụ ĐX 2008 (Phú Yên)	Vụ HT 2008 (Phú Yên)	Vụ HT 2008 (Bình Định)	Vụ ĐX 2008 (Quảng Nam)
LDH.01	30,6a	35,3b	37,9a	29,0b	28,0a
L.14	31,9a	36,0ab	37,1a	32,5a	29,3a
LVT	33,7a	38,7a			
Lý (đ/c)	25,6b	32,0c	30,7b	21,0c	20,7b
CV%	<b>6,9</b>	<b>7,2</b>	<b>7,4</b>	<b>6,5</b>	<b>7,8</b>

Tại các điểm khảo nghiệm thuộc vùng sinh thái Tây Nguyên, năng suất của giống lạc LDH.01 dao động từ 26,9 - 41,7 tạ/ha, cao hơn so với giống đối chứng lạc Lý trong cùng điều kiện canh tác từ 53,6 - 61,3%. Riêng giống lạc L.14 là giống thuộc loại hình thâm canh, trong khi đó điều kiện canh tác ở các tỉnh Tây Nguyên lại phụ thuộc vào nước trời, nên năng suất tại các điểm khảo nghiệm chỉ đạt được 30,6 - 43,9 tạ/ha, chính vì vậy năng suất giống lạc LDH.01 mới đạt tương đương so với giống L.14 (bảng 4).

Tương tự, ở vùng DHNTB, trên chân đất phù sa, năng suất giống lạc LDH.01 đạt từ 30,6-37,9 tạ/ha, năng suất tương đương so với giống L.14 (đạt từ 31,9-37,1 tạ/ha), nhưng cao hơn so với giống đối chứng lạc Lý (đạt từ 25,6-32,0 tạ/ha) từ 10,3 - 23,5%. Trên chân đất cát ven biển, năng suất giống lạc LDH.01 đạt từ 28,0-29,0 tạ/ha, cao hơn 35,3-38,1% so với giống đối chứng lạc Lý.

Như vậy, năng suất bình quân của giống lạc LDH.01 tại các điểm khảo nghiệm thuộc vùng sinh thái Tây Nguyên là 36,1 tạ/ha, trên đất phù sa vùng DHNTB là 34,6 tạ/ha và trên đất cát ven biển vùng DHNTB là 28,5 tạ/ha.

#### IV. KẾT LUẬN

Giống lạc LDH.01 được chọn lọc từ đột biến tự nhiên của giống lạc Lý địa phương.

Giống lạc LDH.01 có dạng cây thuộc loại hình nửa đứng, eo quả trung bình, vỏ quả mỏng, tỷ lệ nhân/quả bình quân 76,5%, khối lượng 100 quả khoảng 142,2gam, tỷ lệ quả 3 hạt chiếm trên 40%, thời gian sinh trưởng từ 86 - 96 ngày tùy theo thời vụ và vùng sinh thái.

Khả năng kháng bệnh (đốm nâu, gỉ sắt, chết xanh do nhiều nguyên nhân) của giống lạc LDH.01 kém hơn so với các giống

MD.7, L.14, LVT, nhưng tương đương hoặc tốt hơn so với giống giống lạc Lý tùy theo từng loại bệnh.

Năng suất giống lạc LDH.01 trong thí nghiệm so sánh chính quy là 37,9 tạ/ha cao hơn so với lạc Lý 24,7%, năng suất bình quân tại các điểm khảo nghiệm thuộc vùng sinh thái Tây Nguyên là 36,1 tạ/ha, trên đất phù sa vùng DHNTB là 34,6 tạ/ha và trên đất cát ven biển vùng DHNTB là 28,5 tạ/ha.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và khảo nghiệm, giống lạc LDH.01 đã được Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là giống sản xuất thử để làm cơ sở cho việc mở rộng diện tích.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Huy Cường et al., 2006. *Kết quả tuyển chọn giống lạc năng suất cao cho vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên*. Tạp chí KH&CN Nông nghiệp Việt Nam, trang 63-70, số 2(3)/2007.
2. Hoàng Minh Tâm et al., 2009. *Nghiên cứu tuyển chọn, phát triển một số giống lạc, đậu tương, đậu xanh có năng suất cao, chất lượng tốt thích ứng với điều kiện sinh thái khó khăn vùng DHNTB*. Báo cáo tổng kết nghiên cứu KH&PTCN, Viện KHKT Nông nghiệp DHNTB.
3. Hoàng Minh Tâm et al., 2009. *Nghiên cứu các giải pháp KHCN khai thác có hiệu quả vùng đất cát ven biển vùng DHNTB*. Báo cáo tổng kết nghiên cứu KH&PTCN, Viện KHKT Nông nghiệp DHNTB.
4. Bộ Nông nghiệp & PTNT. *Quy phạm khảo nghiệm giống lạc 10TCN340-2006*.

**Người phản biện**

**PGS. TS. Nguyễn Văn Việt**

## KẾT QUẢ CHỌN TẠO GIỐNG LẠC LDH.06 CHO VÙNG TÂY NGUYÊN

Hoàng Minh Tâm, Hồ Huy Cường,  
Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Xuân Thu,  
Mạc Khánh Trang, Đặng Bá Đán

### SUMMARY

#### The result of breeding new peanut variety LDH.06 for the Central Highland

In order to contribute to stability development of peanuts productivity in the South Central Coast, Agricultural Science Institute for South Central Coast of Viet Nam and Research and trial (experiment) Center for Beans have been breeding the new peanut varieties according to intensive cultivation and resistance to the disease. By selecting pure-bred and cross-breeding, the result was selected new peanut variety with name's LDH.06. the agronomic character's LDH.06 are perform follow: the average yield's LDH06 attain 23,4 ta/ha on rainfed area and 33,9 ta/ha in condition of additional irrigation, the growth duration range 101 to 114 days in the ecological subregions of Highlands; Phenotype of peanut varieties LDH.06 are half standing, distribution of flowers are continuous., mature leaves are dark green, the waist of peanut shells are average, surface of peanut shells are rough, the rate of two seeds per one peanut shell range 87,5 to 88,0%, the volume of 100 peanut shells from 152,6 to 154,7gam, the rate of kernel range 69,3 to 70,6%, its slightly get rust and black spot disease and resistance to the wilt.

**Keywords:** *peanut, groundnut, new peanut variety, peanuts for southern central coast*

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây lạc (*Arachis hypogaea* L.) là cây trồng có nhiều thể mạnh trong chiến lược phát triển cây hàng hóa, cây làm thức ăn chăn nuôi và là cây trồng có hiệu quả cho nền sản xuất đa dạng sản phẩm và bền vững môi trường ở Tây Nguyên. Theo số liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp và PTNT, năm 2009, diện tích gieo trồng lạc ở Tây Nguyên là 17.700ha và tập trung chủ yếu tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông. Năng suất lạc bình quân của các tỉnh Tây Nguyên của năm 2009 là 17,2 tạ/ha, tương đương 81,5% so với năng suất bình quân của cả nước.

Có nhiều nguyên nhân làm hạn chế năng suất lạc ở Tây Nguyên, trong đó thiếu bộ giống năng suất cao và chống chịu với điều kiện bất lợi của môi trường là nguyên nhân hàng đầu. Do đó, để nâng cao năng suất lạc ở Tây Nguyên, các giống lạc mới L.14, LVT và LDH.01 đã được chọn tạo. Tuy nhiên, các giống lạc L.14 và LVT lại

không được chọn tạo ở vùng Tây Nguyên mà chỉ đánh giá tuyển chọn nên khó phát huy hết tiềm năng. Đối với giống lạc LDH.01 tuy được chọn tạo tại vùng theo hướng chịu hạn và vỏ mỏng nhưng lại hạn chế về khả năng kháng bệnh chết xanh do vi khuẩn gây hại. Do đó, để góp phần ổn định và phát triển cây lạc ở vùng Tây Nguyên, cần chọn tạo các giống lạc canh tác nhờ nước trời có năng suất trên 22,0 tạ/ha và chống chịu với một số sâu, bệnh chính hại lạc để bổ sung vào cơ cấu giống hiện có.

### II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Vật liệu nghiên cứu

Giống lạc L18 và giống LVT được chọn làm bố mẹ. Giống L18 có nguồn gốc từ Trung Quốc và được công nhận chính thức năm 2009. Giống lạc LVT được nhập nội từ Trung Quốc, được Viện Nghiên cứu ngô chọn lọc quần thể và công nhận tiến bộ kỹ thuật năm 1998.